

令和 6 年 7 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	北島 康弘	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	21.2 t	7.98	6.0 cm	24.3 °C	
放流水量	21.5 t	7.79	50.0 cm	24.3 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	310 KWH	3,404 KWH	8.75 t	
日平均使用量	10.0 KWH	109.8 KWH	0.28 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣
月計	9台 2.51t	20台 40.50t	30台 22.03t	4台 31.04t	2台 4.48t	
前月累計	28台 10.71t	77台 152.53t	101台 72.69t	6台 44.83t	4台 8.18t	
年度計	37台 13.22t	97台 193.03t	131台 94.72t	10台 75.87t	6台 12.66t	

小計	
月計	65台 100.56 t
前月累計	216台 288.94 t
年度計	281台 389.50 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	0.40 t	65台 100.96 t
前月累計	t	216台 288.94 t
年度計	0.40 t	281台 389.90 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	36台	251 m ³
前月累計	94台	722 m ³
年度計	130台	974 m ³

項目	日
搬入日数	22
日平均搬入数量	4.57 t

月	ごみ埋立量	搬入台数
4	73.89 t	59台
5	118.90 t	88台
6	96.15 t	69台
7	100.96 t	65台
8	t	台
9	t	台
10	t	台
11	t	台
12	t	台
1	t	台
2	t	台
3	t	台
計	389.90 t	281台

薬品名	使用量
スケール分散剤	20.00 kg
凝集剤 パック	100.00 kg
凝集助剤 ポリマ	0.40 kg
固形塩素剤	2.00 kg
脱水助剤 104	kg
脱水助剤 94b	kg
アワゼロン	kg
清缶剤	kg
並塩	kg
リン酸	kg
保護マット	枚
汚泥量	3.00 m ³
脱水ケーキ量	0.40 t
脱水機運転時間	4:00 H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	曇/雨	20 °C	22 °C	16 °C
2	晴	22 °C	24 °C	11 °C
3	晴	23 °C	29 °C	12 °C
4	晴/曇	18 °C	26 °C	15 °C
5	晴/曇	25 °C	28 °C	18 °C
6		°C	°C	°C
7		°C	°C	°C
8	曇	21 °C	23 °C	18 °C
9	曇	19 °C	27 °C	17 °C
10	晴	26 °C	27 °C	18 °C
11	晴	25 °C	28 °C	16 °C
12	晴	25 °C	28 °C	17 °C
13		°C	°C	°C
14		°C	°C	°C
15		°C	°C	°C
16	晴	23 °C	29 °C	14 °C
17	晴	25 °C	29 °C	19 °C
18	晴	24 °C	31 °C	20 °C
19	曇/雨	23 °C	25 °C	20 °C
20		°C	°C	°C
21		°C	°C	°C
22	晴	29 °C	32 °C	20 °C
23	晴/曇	28 °C	31 °C	23 °C
24	曇/雨	24 °C	27 °C	22 °C
25	晴/曇	20 °C	27 °C	18 °C
26	晴/曇	24 °C	29 °C	19 °C
27		°C	°C	°C
28		°C	°C	°C
29	雨	21 °C	23 °C	18 °C
30	晴	24 °C	27 °C	19 °C
31	晴	21 °C	25 °C	19 °C